



Đẳng cấp đầu tư - Thịnh vượng bền vững

VIPS

Dịch vụ Quản lý Danh mục Đầu tư VinaCapital VIPS

Danh mục Đầu tư VinaCapital VIPS là giải pháp đầu tư của VinaCapital với chiến lược đầu tư và quản lý tài khoản riêng biệt dành cho các Quý khách người Việt và nước ngoài có tài sản lớn.



CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

- Tận dụng các cơ hội trên thị trường chứng khoán Việt Nam, danh mục VinaCapital VIPS được đầu tư toàn bộ vào cổ phiếu niêm yết, với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và quản lý rủi ro chặt chẽ.
- Chiến lược đầu tư dựa trên những phân tích kỹ lưỡng của đội ngũ chuyên gia và ban lãnh đạo VinaCapital về các yếu tố nền tảng của doanh nghiệp, kết hợp phân tích tổng thể kinh tế vĩ mô.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital



CÁC LỢI ÍCH CHO NHÀ ĐẦU TƯ

- Cơ hội tốt để đạt được lợi nhuận cao:** VinaCapital đã luôn mang lại lợi nhuận cao, vượt trội so với chỉ số VN-Index trong dài hạn cho nhà đầu tư.
- Kiểm soát rủi ro:** Danh mục VinaCapital VIPS được phân bổ chiến lược và hợp lý giúp cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro.
- Quyền sở hữu tài sản:** Mỗi nhà đầu tư có một tài khoản phụ liên kết với tài khoản chung của danh mục VinaCapital VIPS.
- Dịch vụ chuyên biệt:** VinaCapital VIPS được quản lý bởi các nhà điều hành quỹ giàu kinh nghiệm và được hỗ trợ bởi đội ngũ phân tích gồm 15 chuyên gia Việt Nam và nước ngoài.
- Quản lý chặt chẽ và minh bạch:** VinaCapital VIPS được quản lý bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và được giám sát bởi ngân hàng lưu ký độc lập. Báo cáo hoạt động được gửi hàng tháng để đảm bảo các nhà đầu tư được cập nhật về hiệu suất của VinaCapital VIPS..



ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ

Số tiền đầu tư tối thiểu	Nhà đầu tư Việt Nam Cá nhân: 10 tỷ đồng/ hợp đồng Tổ chức: 25 tỷ đồng/ hợp đồng	Nhà đầu tư nước ngoài Cá nhân: 10 tỷ đồng/ hợp đồng Tổ chức: 100 tỷ đồng/ hợp đồng								
Ngày hiệu lực	Ngày toàn bộ Tài Sản Ủy Thác bắt đầu được ghi có trong Tài khoản Lưu ký									
Thời hạn đầu tư	12 tháng và tự động tái tục									
Phí quản lý	1,5%/ năm trên Giá Trị Tài Sản Gộp của Danh Mục Đầu Tư; Được thu từng tháng									
Ngưỡng lợi nhuận tối thiểu để tính Phí thưởng	10%									
Phí thưởng (*)	$\text{Phí thưởng} = 20\% \times (A - \max(B, "HWM"))$ <table border="1"> <tr> <td>A</td> <td>NAV trước Phí thưởng tại Ngày chốt tính phí</td> </tr> <tr> <td>B</td> <td>Ngưỡng tài sản để tính Phí thưởng (được tính bằng: giá NAV sau Phí thưởng x Ngưỡng Lợi Nhuận Tối Thiểu)</td> </tr> <tr> <td>HWM</td> <td>Mức HWM, giá trị lớn nhất của NAV sau Phí thưởng tại kỳ có tính Phí thưởng gần nhất. Mức HWM đầu tiên là Tài Sản Ủy Thác ban đầu</td> </tr> <tr> <td>Ngày chốt tính phí</td> <td>Thời điểm kết thúc mỗi 12 tháng kể từ ngày hiệu lực hoặc thời điểm chấm dứt hợp đồng</td> </tr> </table> <p>NAV: Giá trị tài sản ròng</p>		A	NAV trước Phí thưởng tại Ngày chốt tính phí	B	Ngưỡng tài sản để tính Phí thưởng (được tính bằng: giá NAV sau Phí thưởng x Ngưỡng Lợi Nhuận Tối Thiểu)	HWM	Mức HWM, giá trị lớn nhất của NAV sau Phí thưởng tại kỳ có tính Phí thưởng gần nhất. Mức HWM đầu tiên là Tài Sản Ủy Thác ban đầu	Ngày chốt tính phí	Thời điểm kết thúc mỗi 12 tháng kể từ ngày hiệu lực hoặc thời điểm chấm dứt hợp đồng
A	NAV trước Phí thưởng tại Ngày chốt tính phí									
B	Ngưỡng tài sản để tính Phí thưởng (được tính bằng: giá NAV sau Phí thưởng x Ngưỡng Lợi Nhuận Tối Thiểu)									
HWM	Mức HWM, giá trị lớn nhất của NAV sau Phí thưởng tại kỳ có tính Phí thưởng gần nhất. Mức HWM đầu tiên là Tài Sản Ủy Thác ban đầu									
Ngày chốt tính phí	Thời điểm kết thúc mỗi 12 tháng kể từ ngày hiệu lực hoặc thời điểm chấm dứt hợp đồng									
Phí rút tiền đầu tư	1% cho năm đầu tiên									

(*) Được nêu chi tiết và minh họa trong hợp đồng



LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

LỢI NHUẬN RÒNG TÍNH ĐẾN 30/06/2024	DANH MỤC ĐẦU TƯ VINACAPITAL VIPS	VN-Index
Từ đầu năm 2024	16,4%	10,2%
1 năm	30,6%	11,2%
Trung bình 3 năm (%/năm)	10,6%	-4,02%
Tích lũy 3 năm	35,3%	-11,6%

(*) Tất cả các lợi nhuận đã được trừ phí quản lý và phí thưởng